UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4165 /SKHCN-TC
V/v hướng dẫn đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026 và triển khai Quyết định số 4179/QĐ-BKHCN

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 11 năm 2026

Kính gửi:
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thống kê tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các Trường: Đại học Tân Trào; Cao đẳng Tuyên Quang;
- Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 425/KH-UBND ngày 05/11/2026 của UBND tỉnh về đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Văn bản số 9028/UBND-KH&CĐS ngày 09/11/2026 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 4179/QĐ-BKHCN ngày 19/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nội dung sau:

1. Rà soát, đề xuất chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

Căn cứ mục 1.2 Văn bản số 9028/UBND-KH&CĐS, các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đề xuất chỉ tiêu, nhiệm vụ theo biểu mẫu kèm theo Công văn này. Gửi riêng văn bản đề xuất và tệp Excel tương ứng về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày **20/11/2026** để tổng hợp trình UBND tỉnh.

UBND các xã, phường sử dụng trang tính CHI TIEU XA PHUONG. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sử dụng trang tính CHI TIEU SO NGANH. Các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đề xuất điền trang tính NHIEM VU DE XUAT. Khi lập đề xuất đối chiếu Phụ lục I và Phụ lục II của Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số 4179/QĐ-BKHCN để xác định nội dung có thể lồng ghép và nội dung cần bổ sung.

Đối với chỉ tiêu: nêu hiện trạng, mức phấn đấu năm 2028 và năm 2030, nguồn và đầu mối số liệu.

Đối với nhiệm vụ: Phân loại từng nhiệm vụ đề xuất vào một trong ba nhóm nhiệm vụ gồm A (đột phá, ưu tiên), B (trọng tâm) hoặc C (giám sát, đánh giá). Nêu rõ vấn đề, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm, tiến độ và nguồn lực dự kiến. Ưu tiên nhiệm vụ có khả năng giải quyết điểm nghẽn và có kết quả kiểm chứng được trước năm 2028.

2. Báo cáo kết quả hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026

Cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chỉ tiêu, nhiệm vụ hoặc quản lý đối tượng đánh giá lập 01 báo cáo theo đề cương kèm theo. Lồng ghép kết quả thực hiện Chiến lược theo Quyết định số 4179/QĐ-BKHCN vào các mục tương ứng của báo cáo đánh giá năm 2026. Nêu rõ việc phổ biến, phân công đầu mối, lồng ghép vào kế hoạch của ngành, địa phương và tiến độ, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ có liên quan. Sử dụng chung số liệu và minh chứng khi cùng phạm vi, thời kỳ và phương pháp tính.

2.1. Về số liệu năm 2026

Các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp một lần theo biểu mẫu kèm theo số liệu thực hiện đến ngày **15/11/2026** và số ước thực hiện cả năm 2026. Ghi rõ căn cứ và phương pháp ước tính. Đối với chỉ tiêu công bố định kỳ, sử dụng số liệu công bố gần nhất và ghi rõ kỳ số liệu, nguồn công bố.

2.2. Về số liệu giai đoạn 2021-2025

Sở Khoa học và Công nghệ khai thác hồ sơ, số liệu đã có của hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang trước sắp xếp và của tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương dùng Biểu 7 để bổ sung, đính chính hoặc xác nhận số liệu khi cần điều chỉnh. Trình bày riêng số liệu giai đoạn 2021–2025 và số liệu năm 2026. Đối với số liệu năm 2025, ghi rõ phạm vi và thời kỳ số liệu trước hoặc sau sắp xếp.

2.3. Kết quả và minh chứng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đối chiếu kết quả thực hiện với các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Đối với nhiệm vụ tiêu biểu, nêu rõ nguồn lực đã sử dụng, sản phẩm đã hoàn thành, kết quả ứng dụng và tác động thực tế có minh chứng. Lập danh mục tài liệu minh chứng tại Biểu 6 và sử dụng thống nhất mã minh chứng trong các biểu có liên quan. Trường hợp thiếu số liệu hoặc chưa đủ căn cứ đánh giá, nêu rõ nội dung còn thiếu, lý do và thời điểm dự kiến bổ sung.

Đơn vị có mô hình hoặc sáng kiến đã áp dụng và có kết quả ghi nhận trong năm 2026 lựa chọn 01 trường hợp nổi bật nhất, tóm tắt tại Biểu 5 và dẫn minh chứng tại Biểu 6. Nêu nơi áp dụng, đối tượng sử dụng, kết quả trước và sau áp dụng nếu có số liệu so sánh, hoặc kết quả thực tế có xác nhận. Sở Khoa học và Công nghệ sẽ lựa chọn từ 01 đến 02 trường hợp tiêu biểu để đưa vào báo cáo của tỉnh.

3. Trách nhiệm lập báo cáo và sử dụng biểu mẫu

3.1. UBND các xã, phường

UBND các xã, phường báo cáo kết quả thuộc phạm vi quản lý, trong đó nêu rõ nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp. Điền Biểu 1 (BC XA PHUONG) và

lập danh mục tài liệu minh chứng gửi kèm tại Biểu 6. Điền thêm Biểu 3 khi có nhiệm vụ được giao, Biểu 4 khi được giao kinh phí hoặc dự toán thuộc phạm vi báo cáo, Biểu 5 khi có mô hình hoặc sáng kiến nổi bật và Biểu 7 khi cần bổ sung, đính chính hoặc xác nhận số liệu giai đoạn 2021-2025. Phối hợp cung cấp, đối chiếu số liệu thuộc địa bàn theo đề nghị của cơ quan đầu mối tổng hợp chỉ tiêu cấp tỉnh.

3.2. Các sở, ban, ngành, Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Thống kê tỉnh, các trường và cơ quan, đơn vị liên quan

Đề nghị cung cấp số liệu theo lĩnh vực, chỉ tiêu và đầu mối tại Biểu 2. Đơn vị chủ trì chỉ tiêu cấp tỉnh tổng hợp theo phạm vi ghi trong biểu. Đơn vị chỉ được đề nghị phối hợp cung cấp dữ liệu gửi và xác nhận phần số liệu do mình quản lý. Dùng các Biểu 3, 4, 5, 6 và 7 theo nội dung phát sinh. Đối với nhiệm vụ liên ngành, cơ quan chủ trì thống nhất kết quả và số liệu với cơ quan phối hợp trước khi gửi.

3.3 Cơ quan quản lý và đối tượng thuộc diện đánh giá chuyên đề

Rà soát chiến lược, chính sách ưu đãi, kế hoạch, chương trình và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý. Nêu rõ đối tượng đến kỳ, chưa đến kỳ hoặc không có đối tượng. Cơ quan, đơn vị có đối tượng đến kỳ theo danh mục đánh giá gửi thêm hồ sơ theo phụ lục tương ứng của Quyết định số 1969/QĐ-BKHCN ngày 31/3/2026.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập đến kỳ, sử dụng Mẫu báo cáo phục vụ đánh giá kèm theo và điền Biểu 8 theo Phụ lục VI.2. Tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đối chiếu Phụ lục VI.1 và VI.3 theo chức năng. Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ đối chiếu Phụ lục VI.4. Cơ quan quản lý trực tiếp rà soát, xác nhận thông tin thuộc trách nhiệm quản lý. Cơ quan chủ trì đánh giá đối chiếu hồ sơ, chấm điểm và xác định kết quả xếp loại theo thẩm quyền.

4. Thời hạn và phương thức gửi báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ qua Hệ thống quản lý văn bản chậm nhất ngày **24/11/2026**. Hồ sơ gồm báo cáo đã ký, tệp Word và Excel có thể chỉnh sửa, danh mục và tệp hoặc đường dẫn truy cập tài liệu minh chứng, cùng hồ sơ chuyên đề đối với trường hợp thuộc diện đánh giá. Ghi rõ họ tên và thông tin liên hệ của đầu mối chuyên môn.

Trường hợp phát sinh nội dung thay đổi hoặc cần bổ sung, gửi phần cập nhật trước ngày **30/11/2026**.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp thực hiện đúng thời hạn. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ qua Phòng Tài chính *(bà Phan Thị Thu Thủy, Phó Trưởng phòng Tài chính, điện thoại 0977 161 284)* để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

Tài liệu gửi kèm gồm: *(1)* Đề cương báo cáo, *(2)* Biểu mẫu chỉ tiêu, nhiệm vụ đề xuất theo Quyết định số 4179/QĐ-BKHCN, *(3)* Biểu mẫu báo cáo năm 2026, *(4)* Mẫu báo cáo phục vụ đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập; *(5)* các văn bản có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT, TC (P.Th).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Đăng Đông